

Số: /CCĐTNĐKVIII-QLHT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 11 năm 2024

THÔNG BÁO
LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THƯỜNG XUYÊN PHÍA NAM
Tháng 10 năm 2024

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ số liệu thực tế về tình hình luồng tuyến đường thủy nội địa phía Nam tháng 10.

Chi cục Đường thủy nội địa khu vực III thông báo luồng đường thủy nội địa thường xuyên như sau:

1. Tên luồng: Đường thủy nội địa quốc gia khu vực phía Nam

2. Tình hình mực nước

| TT | Sông, kênh, rạch | Trạm chính | Mực nước lớn nhất (Hmax) | | Mực nước nhỏ nhất (Hmin) | |
|----|--------------------------|-----------------------|--------------------------|-----------|--------------------------|-----------|
| | | | Mực nước | Thời gian | Mực nước | Thời gian |
| 1 | Sông Sài Gòn | Phú Cường (Km55+650) | +1.75 | 17/10 | -0.75 | 13/10 |
| 2 | Sông Vàm Cỏ Đông | Đức Huệ (Km74+660) | +1.80 | 18/10 | -0.86 | 11/10 |
| 3 | Kênh Chợ Gạo | Chợ Gạo (Km20+200) | +1.69 | 18/10 | -1.37 | 24/10 |
| 4 | Kênh Chợ Lách | Chợ Lách (Km03+700) | +1.92 | 16/10 | -1.00 | 22/10 |
| 5 | Sông Bến Tre | Bến Tre (Km03+800) | +1.59 | 18/10 | -1.2 | 20/10 |
| 6 | Sông Cổ Chiên | Tam Bình (Km07+350) | +2.16 | 16/10 | -0.49 | 25/10 |
| 7 | Kênh Rạch Giá Long Xuyên | Long Xuyên (Km63+400) | +2.74 | 19/10 | +0.99 | 27/10 |
| 8 | Kênh Rạch Sỏi Hậu Giang | Thạnh An (Km32+550) | +1.72 | 21/10 | +1.36 | 02/10 |
| 9 | Kênh Rạch Giá | Hòn Đất | +1.13 | 21/10 | +0.52 | 03/10 |

| | | | | | | |
|----|----------------------|-------------------------|-------|-------|-------|-------|
| | Hà Tiên | (Km07+860) | | | | |
| 10 | Kênh Tám Ngàn | Tri Tôn (Km29+850) | +2.04 | 25/10 | +1.76 | 30/10 |
| 11 | Sông Bảy Hạp | Năm Căn (Km00+800) | +1.71 | 23/10 | -0.29 | 22/10 |
| 12 | Sông Trèm Trèm | Thới Bình (Km12+600) | +0.52 | 26/10 | +0.45 | 18/10 |
| 13 | Sông Ông Đốc | Sông Đốc (Km25+000) | +0.96 | 21/10 | +0.31 | 13/10 |
| 14 | Kênh Bạc Liêu Cà Mau | Cà Mau (Km00+300) | +1.43 | 11/10 | -0.53 | 03/10 |
| 15 | Sông Tiền | Cao Lãnh (Km180+000) | +2.62 | 04/10 | +1.02 | 23/10 |
| 16 | Sông Tiền | Tân Châu (Km237+600) | +3.53 | 04/10 | +2.03 | 29/10 |
| 17 | Kênh Tháp Mười Số 1 | Tân Thạnh (Km14+000) | +2.00 | 16/10 | +0.47 | 27/10 |
| 18 | Kênh Tháp Mười Số 1 | An Long (Km89+800) | +2.91 | 05/10 | +1.53 | 29/10 |
| 19 | Kênh Tháp Mười Số 2 | Mỹ An (Km61+500) | +1.98 | 18/10 | +0.96 | 28/10 |
| 20 | Sông Vàm Cỏ Tây | Mộc Hóa (Km129+650) | +2.04 | 22/10 | +1.43 | 02/10 |
| 21 | Kênh Lấp Vò Sa Đéc | Lấp Vò (Km37+300) | +2.44 | 20/10 | +1.17 | 05/10 |

3. Tình hình luồng

| TT | Sông, kênh, rạch | Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện... | Tình hình luồng | | | Ghi chú |
|----|------------------|--|---|----------------------|---------|---------|
| | | | Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét) | Chiều rộng (B) (Mét) | Ngày đo | |
| 1 | Kênh Cây Khô | Km0+000 ÷ Km3+400 | h: 1.38 | 25 | MN 98% | |
| | | Cầu Cây Khô | Hk: 7.0 | 50 | MN 5% | |

| TT | Sông, kênh, rạch | Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện... | Tình hình luồng | | | Ghi chú |
|----|----------------------|--|---|----------------------|-----------|-------------|
| | | | Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét) | Chiều rộng (B) (Mét) | Ngày đo | |
| 2 | Sông Chợ Đệm Bến Lức | Km9+00 ÷ Km20+200 | h: 0.61 | 30 | MN 98% | |
| 3 | Sông Sài Gòn | Km99+950 ÷ Km100+150 | h: 3.07 | 45 | MN 98% | |
| | | Km101+850 ÷ Km114+680 | h: 3.17 | 25 | MN 98% | |
| | | Km115+500 ÷ Km126+000 | h: 1.20 | 52 | MN 98% | |
| 4 | Sông Vàm Cỏ Tây | Cầu Mộc Hóa (Km128+710) | Hk: 3.5 | 27 | MN 5% | |
| | | Xác tàu chìm cũ (Km34+200) | h: 2 | | MN 98% | Ngoài luồng |
| | | Cọc sắt và trụ neo tàu (Km33+970 ÷ 34+090) | h: 1 | | MN 98% | Ngoài luồng |
| | | Km155+600 ÷ Km162+000 | h: 2.68 | 24 | MN 98% | |
| 5 | Sông Đồng Nai | Km89+800 ÷ Km90+400 | h: 2.98 | 35 | MN 98% | |
| 6 | Nhánh cù lao Rùa | Km5+950 ÷ Km6+100 | h: 1.76 | 50 | MN 98% | |
| 7 | Rạch Ông Lớn | Km0+000 ÷ Km5+000 | h: 2.00 | 26 | MN 98% | |
| | | Cầu Rạch Ông (Km4+900) | Hk: 5 | 16 | MN 5% | |
| | | Cầu Ông Lớn (Km1+900) | Hk: 5.5 | 20 | MN 5% | |
| 8 | Sông Bến Tre | Km0+500 ÷ Km2+500 | h: 1.24 | 50 | MN 98% | |
| | | Cầu Bến Tre (Km4+360) | Hk: 6 | 26 | MN 5% | |
| | | Cầu An Hóa | Hk: 6.5 | 28 | MN | |

| TT | Sông, kênh, rạch | Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện... | Tình hình luồng | | | Ghi chú |
|----|---------------------|--|---|----------------------|-----------|---------|
| | | | Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét) | Chiều rộng (B) (Mét) | Ngày đo | |
| | | (Km6+200) | | | 5% | |
| 9 | Kênh Mỏ Cày | Km7+150 ÷ Km14+000 | h: 3.00 | 16 | MN 98% | |
| | | Cầu Mỏ Cày (Km7+765) | Hk: 4 | 20 | MN 5% | |
| | | Đường dây điện (Km13+132) | Hk: 7 | | MN 1% | |
| | | Cầu Thơm (Km13+245) | Hk: 6 | 30 | MN 5% | |
| 10 | Kênh 28 | Cầu Thông Lưu (Km8+060) | Hk: 2.6 | 24 | MN 5% | |
| 11 | Kênh Phước Xuyên | Cầu Tân Phước (Km27+500) | Hk: 4.5 | 30 | MN 5% | |
| | | Km0+000 ÷ Km27+740 | h: 2.89 | 20 | MN 98% | |
| 12 | Kênh Tư Mới | Cầu Mỹ An (Km9+823) | Hk: 3.7 | 20 | MN 5% | |
| | | Km0+000 ÷ Km10+178 | h: 2.66 | 22 | MN 98% | |
| 13 | Kênh Trà Vinh | Cầu Long Bình 1 (Km4+500) | Hk: 2 | 16 | MN 5% | |
| | | Km0+000 ÷ Km4+750 | h: 0.50 | 36 | MN 98% | |
| 14 | Kênh Chợ Gạo | Km10+000 ÷ Km11+500 | h: 1.60 | 26 | MN 98% | |
| 15 | Rạch Kỳ Hôn | Km27+900 ÷ Km28+200 | h: 1.50 | 55 | MN 98% | |
| 16 | Kênh Xáng Long Định | Cầu Long Định (Km8+308) | Hk: 2.4 | 20 | MN 5% | |
| | | Km0+000 ÷ Km0+900 | h: 1.00 | 30 | MN | |

| TT | Sông, kênh, rạch | Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện... | Tình hình luồng | | | Ghi chú |
|----|--------------------------------|--|---|----------------------|-----------|--------------------|
| | | | Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét) | Chiều rộng (B) (Mét) | Ngày đo | |
| | | | | | 98% | |
| 17 | Rạch Khe Luông | Km0+000 ÷ Km1+500 | h: 1.62 | 20 | MN 98% | |
| 18 | Sông Hậu-Nhánh Nặng Gù Thị Hòa | Km8+500 ÷ Km16+550 | h: 1.67 | 52 | MN 98% | |
| 19 | Rạch Ông Chưởng | Km0+000 ÷ Km23+000 | h: 1.70 | 25 | MN 98% | |
| | | 6 cọc BTCT, phía bờ trái, Km5+850 | h: 1.50 | | | Trong hành lang 3m |
| 20 | Sông Tiền | Km232+000 ÷ Km233+000 | h: 3.98 | 150 | MN 98% | |
| 21 | Nhánh cù lao Long Khánh | Móng trụ điện bên trái luồng (Km7+510) | h: 1 | | MN 98% | Ngoài luồng |
| | | Km2+000 ÷ Km4+000 | h: 4.66 | 150 | MN 98% | |
| 22 | Sông Hàm Luông | Km8+244 ÷ Km16+400 | h: 1.34 | 150 | MN 98% | |
| 23 | Kênh Mắc Cần Dung | Cầu Treo 13 (Km12+480) | Hk: 3.8 | 22 | MN 5% | |
| | | Km8+800 ÷ Km10+200 | h: 1.24 | 22 | MN 98% | |
| 24 | Kênh Tám Ngàn | Km0+000 ÷ Km36+575 | h: 2.70 | 20 | MN 98% | |
| 25 | Kênh Vĩnh Tế | Cầu Vĩnh Ngươn (Km0+530) | Hk: 3.2 | 24 | MN 5% | |
| | | Km0+000 ÷ Km8+600 | h: 2.97 | 25 | MN | |

| TT | Sông, kênh, rạch | Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện... | Tình hình luồng | | | Ghi chú |
|----|--------------------------|--|---|----------------------|---------|--------------------|
| | | | Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét) | Chiều rộng (B) (Mét) | Ngày đo | |
| | | | | | 98% | |
| 26 | Kênh Rạch Giá Long xuyên | C. Nguyễn Trung Trực (Km0+890) | Hk: 4.7 | 22 | MN 5% | |
| | | Cầu Thành Vĩnh (Km14+157) | Hk: 4.5 | 46 | MN 5% | |
| | | Cầu Ba Bàn (Km18+385) | Hk: 5 | 25 | MN 5% | |
| | | Cầu Thoại Hà (Km27+635) | Hk: 5.3 | 26 | MN 5% | |
| | | Cầu Thoại Hà 3 (Km36+680) | Hk: 5.3 | 30 | MN 5% | |
| | | Cầu Đập Đá (Km50+745) | Hk: 4.3 | 30 | MN 5% | |
| | | Đá ngầm (Km30+380) | h: 2.5 | 12 | MN 98% | |
| | | Hàng cọc BT Km50+400, phía bờ phải | h: 1.00 | | MN 98% | Lấn hành lang 5.7m |
| | | Hàng cọc BT Km55+180, phía bờ phải | h: 1.00 | | MN 98% | Lấn hành lang 5.7m |
| | | Gốc cây Km55+400, phía bờ trái | h: 1.00 | | MN 98% | Cách bờ 12m |
| | | Km0+200 ÷ Km0+917 | h: 2.65 | 18 | MN 98% | |
| | | Km8+050 ÷ Km18+000 | h: 3.15 | 20 | MN 98% | |
| | | Km18+000 ÷ Km50+200 | h: 2.72 | 10 | MN 98% | |
| | | Km50+200 ÷ Km63+000 | h: 2.68 | 30 | MN 98% | |

| TT | Sông, kênh, rạch | Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện... | Tình hình luồng | | | Ghi chú |
|----|-------------------------|---|---|----------------------|-----------|---------------------|
| | | | Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét) | Chiều rộng (B) (Mét) | Ngày đo | |
| 27 | Kênh Vành Đai | Km0+000 ÷ Km7+836 | h: 2.70 | 23 | MN 98% | |
| 28 | Kênh Rạch Giá Hà Tiên | Km0+000 ÷ Km24+800 | h: 3.10 | 22 | MN 98% | |
| | | Km24+800 ÷ Km80+300 | h: 2.60 | 20 | MN 98% | |
| 29 | Kênh Rạch Sỏi Hậu Giang | Km0+000 ÷ Km22+500 | h: 3.40 | 30 | MN 98% | |
| | | Km22+500 ÷ Km59+420 | h: 4.40 | 20 | MN 98% | |
| | | Cọc BT (9mx5.8m), Km4+340 ÷ Km4+480 | h: 1.5 | 30 | MN 98% | Bố trí phaoA1.2 |
| 30 | Kênh Ông Hiến Tà Niên | Km0+000 ÷ Km5+180 | h: 2.64 | 21 | MN 98% | |
| 31 | Kênh Ba Hòn | Km0+000 ÷ Km6+222 | h: 2.62 | 17 | MN 98% | |
| 32 | Kênh Ba Thê | Km0+000 ÷ Km57+200 | h: 2.56 | 20 | MN 98% | |
| 33 | Kênh Tri Tôn Hậu Giang | Km0+000 ÷ Km33+000 | h: 3.04 | 25 | MN 98% | |
| | | Km33+000 ÷ Km58+125 | h: 2.15 | 15 | MN 98% | |
| 34 | Kênh Xà No | Mảng bê tông, kè BT (Km32+850) | h: 0.8 | 28 | MN 98% | |
| | | Km29+000 ÷ Km39+749 | h: 2.89 | 17 | MN 98% | |
| 35 | Sông Bảy Hạp | Cầu BTCT và cọc BTCT, phía bờ phải, Km0+750 ÷ Km0+650 | h: 1.00 | | MN 98% | Nằm trong hành lang |

| TT | Sông, kênh, rạch | Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện... | Tình hình luồng | | | Ghi chú |
|----|-------------------------|--|---|----------------------|-----------|-------------|
| | | | Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét) | Chiều rộng (B) (Mét) | Ngày đo | |
| 36 | Kênh Lương Thế Trân | Km0+000 ÷ Km9+850 | h: 2.11 | 36 | MN 98% | |
| | | Km9+850 ÷ Km10+000 | h: 1.16 | 25 | MN 98% | |
| 37 | Kênh Tắc Vân | Cống BTCT chữ nhật (Km0+120) | h: 1 | | MN 98% | Ngoài luồng |
| | | Km8+900 ÷ Km9+000 | h: 2.88 | 35 | MN 98% | |
| 38 | Sông Gành Hào | Km0+000 ÷ Km6+865 | h: 1.29 | 52 | MN 98% | |
| | | Km37+400 ÷ Km49+300 | h: 3.00 | 20 | MN 98% | |
| 39 | Sông Ông Đốc | Km2+400 ÷ Km6+300 | h: 3.00 | 70 | MN 98% | |
| | | Km15+300 ÷ Km41+500 | h: 2.15 | 70 | | |
| | | Km41+500 ÷ Km49+650 | h: 1.06 | 55 | | |
| 40 | Sông Trèm Trèm | Km0+000 ÷ Km46+100 | h: 3.00 | 36 | MN 98% | |
| 41 | Kênh Sông Trèm Cạnh Đền | Cầu Vĩnh Thuận (Km7+745) | Hk: 6.5 | 27 | MN 5% | |
| | | Cầu Kênh 14 (Km14+440) | Hk: 6 | 24 | MN 5% | |
| | | Km0+000 ÷ Km33+500 | h: 3.00 | 25 | MN 98% | |
| 42 | Kênh Bạc Liêu Vàm Lẻ | Km10+860 ÷ Km18+055 | h: 2.44 | 20 | MN 98% | |
| 43 | Kênh Bạc | Cầu Giá Rai | Hk: 3.8 | 22 | MN | |

| TT | Sông, kênh, rạch | Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện... | Tình hình luồng | | | Ghi chú |
|----|-------------------------|--|---|----------------------|-----------|---------|
| | | | Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét) | Chiều rộng (B) (Mét) | Ngày đo | |
| | Liêu Cà Mau | (Km30+175) | | | 5% | |
| | | Km0+000 ÷ Km9+000 Km40+600 ÷ Km50+600 | h: 2.00 h: 1.58 | 30 30 | MN 98% | |
| 44 | Rạch Cái Côn | Km16+100 ÷ Km16+600 | h: 2.91 | 45 | MN 98% | |
| 45 | Kênh Xà No | Km29+000 ÷ Km39+749 | h: 2.89 | 17 | MN 98% | |
| 46 | Kênh Quản Lộ Phụng Hiệp | Cầu Phước Long (Km58+210) | Hk: 3.8 | 20 | MN 5% | |
| | | Km0+400 ÷ Km93+500 | h: 2.30 | 36 | MN 98% | |
| 47 | Kênh Tháp Mười số 1 | Cầu Tân Thạnh (Km15+980) | Hk: 3.4 | 21 | MN 5% | |
| | | C.treo Chùa Long Thành (Km23+220) | Hk: 3 | 28.9 | MN 5% | |
| | | Cầu treo Tân Lập (Km27+720) | Hk: 3.7 | 28.3 | MN 5% | |
| | | C.treo Hậu Thạnh Đông (Km33+879) | Hk: 3.7 | 28.3 | MN 5% | |
| | | Cầu Trường Xuân (Km47+375) | Hk: 5 | 29.6 | MN 5% | |
| | | Cầu Đường Thét (Km55+094) | Hk: 5 | 29.6 | MN 5% | |
| | | Cầu Mười Tài (Km62+339) | Hk: 5 | 29.6 | MN 5% | |
| | | Cầu Tam Nông (Km68+975) | Hk: 5 | 29.6 | MN 5% | |

| TT | Sông, kênh, rạch | Bãi cạn, vật chướng ngại, cầu, đường dây điện... | Tình hình luồng | | | Ghi chú |
|----|-------------------------|--|---|----------------------|---------|---------|
| | | | Độ sâu (h) hoặc chiều cao tính không (Hk) (Mét) | Chiều rộng (B) (Mét) | Ngày đo | |
| | | Cầu Treo Tam Nông (Km69+710) | Hk: 2.5 | 20 | MN 5% | |
| | | Cầu Tràm Chim (Km70+266) | Hk: 3.6 | 28 | MN 5% | |
| | | Cầu An Long (Km89+585) | Hk: 3 | 17 | MN 5% | |
| | | Km0+082 ÷ Km90+000 | h: 0.58 | 36 | MN 98% | |
| 48 | Kênh Tháp Mười số 2 | Công Rạch Chanh (Km01+150) | Hk: 1.8 | 5 | MN 5% | |
| | | Km21+720 ÷ Km93+560 | h: 1.44 | 25 | MN 98% | |
| 49 | Kênh Hồng Ngự Vĩnh Hưng | Cầu Hồng Ngự (Km43+985) | Hk: 2.9 | 19 | MN 5% | |
| | | Km3+300 ÷ Km43+056 | h: 2.99 | 18 | MN 98% | |
| | | Km43+083 ÷ Km43+556 | h: 1.99 | 26 | MN 98% | |
| 50 | Kênh 4 Bis | Cầu Sắt Mỹ An (Km0+110) | Hk: 3 | 19.5 | MN 5% | |
| | | Km8+400 ÷ Km10+000 | h: 2.26 | 36 | MN 98% | |
| 51 | Kênh Lấp Vò Sa Đéc | Cầu Sắt Sa Đéc (Km16+320) | Hk: 5.9 | 30 | MN 5% | |
| | | Cầu Nàng Hai (Km18+900) | Hk: 5 | 20 | MN 5% | |

4. Những điều cần lưu ý:

- Sông Sài Gòn:

+ Trên tuyến có 03 cầu có tĩnh không và khẩu độ không đạt cấp kỹ thuật đường thủy nội địa (sông cấp III). Đó là cầu Bến Súc Km100+150 (TK 6.5m; KĐ 35m), cầu Dầu Tiếng Km134+980 (TK 5.0m; KĐ 20m), cầu Mới Tây Ninh Km142+300 (TK 5.0m; KĐ 12m).

+ Phía thượng lưu sông Sài Gòn từ Km131+600 đến Km142+020 có 14 bè cá kích thước 3x4 m (các bè cá tập trung tại 06 vị trí khác nhau), các bè cá chiếm khoảng 1/2 luồng. Có 05 vó cá kích thước 20x20m tại các vị trí Km136+000 bờ trái, Km136+400 bờ phải, Km140+300 bờ trái, Km141+000 bờ phải, Km141+300 bờ trái chiếm khoảng 2/3 luồng.

+ Cầu Thanh An tại Km111+550 sông Sài Gòn đã thi công xong 02 trụ sát mép nước, hiện nay đang thi công đúc nhịp (phía bờ trái và bờ phải). Tại khu vực công trường có bố trí 04 phao dẫn luồng và hệ thống báo hiệu bờ, có lực lượng điều tiết đảm bảo ATGT thủy.

+ Cầu Bình Gởi tại Km49+800 thuộc dự án đường vành đai 3 do “Liên danh Công ty CP xây dựng hạ tầng Bắc Trung Nam - Công ty Cp Xây dựng lắp mái Trung Nam” xây dựng hiện nay đang thi công, tại công trường có bố trí lực lượng điều tiết đảm bảo an toàn giao thông và báo hiệu đường thủy nội địa.

+ Tại bến thủy nội địa Hoàng Nguyên Sa Km129+500 bờ phải thuộc xã Bến Củi huyện Dương Minh Châu tỉnh Tây Ninh (bến này đã ngưng hoạt động từ lâu) có 01 sà lan trọng tải khoảng 100 tấn chìm tại bến cách bờ khoảng 15m vẫn chưa được chủ phương tiện trục vớt.

+ Từ Km52+750 đến Km53+300 bờ trái thuộc địa bàn phường Chánh Nghĩa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đang thi công kè bờ, tại khu vực công trường có lắp đặt hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa.

+ Hồ Dầu tiếng đã ngưng xả lũ kể từ ngày 31/10/2024

- Sông Đồng Nai:

+ Tại khu vực cầu Đồng Nai và cầu Hóa An, Công ty Cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 10 đang tiếp tục thực hiện công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông thủy. Các phương tiện lưu thông an toàn, thông suốt.

+ Khi lưu thông trên sông Đồng Nai cần lưu ý bãi đá hạ lưu cầu Hóa An từ Km40+270 đến Km40+650 do nằm giữa luồng (độ sâu điểm cạn so với số “0” Hải Đồ là 2m), bãi đá Tân Định từ Km73+650 đến Km74+800 và bãi đá Hiếu Liêm từ Km89+800 đến Km90+400 nằm cả hai bờ dẫn đến bề rộng luồng bị hạn chế nên phương tiện phải chú ý và tuân thủ theo hệ thống báo hiệu đã được lắp đặt.

+ Trên tuyến có 02 cầu có tĩnh không và khẩu độ không đạt cấp kỹ thuật đường thủy nội địa (sông cấp III). Đó là cầu Đồng Nai cũ Km34+250 (TK 5,5m; KĐ 40m), cầu Hóa An cũ Km40+870 (TK 6,5m; KĐ 40m).

+ Tại thượng lưu cầu Hóa An đã bố trí 02 phao neo cho phương tiện neo đậu chờ làm hàng.

+ Cầu Bạch Đằng 2 tại Km56+000 sông Đồng Nai hiện đã thi công hoàn thành và khánh thành vào ngày 23/9/2024. Khu vực cầu có lắp đặt hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa.

+ Trên tuyến từ Km67+000 đến Km69+000 có nhiều phương tiện thủy nội địa neo đậu, tập kết trên luồng, các phương tiện thủy nội địa khi lưu thông qua khu vực này cần chú ý.

+ Công trình xây dựng kè ven sông Đồng Nai từ thượng lưu cầu Hóa An đến Bửu Long đang thi công, đơn vị thi công có thực hiện phương án đảm bảo an toàn giao thông thủy bằng hệ thống báo hiệu ĐTNĐ theo quy định..

+ Công trình xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh (phía Cù Lao Phố) đang thi công, đơn vị thi công có thực hiện phương án đảm bảo an toàn giao thông thủy bằng hệ thống báo hiệu ĐTNĐ theo quy định.

+ Công trình xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai từ Km62+700 đến Km63+320 đang thi công, đơn vị thi công có thực hiện phương án đảm bảo an toàn giao thông thủy bằng hệ thống báo hiệu ĐTNĐ theo quy định.

- **Rạch Kỳ Hôn:** Công trình thi công cầu Chợ Gạo bắc qua rạch Kỳ Hôn tại Km6+210 đang thi công các hạng mục ven bờ. Khu vực thi công có bố trí báo hiệu đảm bảo an toàn giao thông.

- **Kênh Xáng Long Định:** Công trình công thủy lợi Nguyễn Tấn Thành Km17+500 tiếp tục thi công. Khu vực thi công có bố trí báo hiệu đường thủy nội địa để cảnh báo hướng dẫn phương tiện thủy lưu thông qua khu vực.

- **Rạch và kênh Mỏ Cày:** thi công cầu Mỏ Cày 3 tại Km09+900, đang tạm dừng điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa từ ngày 15/8/2024.

- **Sông Tiên:**

+ Công trình thi công cầu Rạch Miễu 2 tại Km74+900 trên tuyến sông Tiên đang thi công phần móng trụ giữa sông hai bên bờ. Khu vực thi công có bố trí phương tiện, lực lượng điều tiết không chế đảm bảo an toàn giao thông và báo hiệu đường thủy nội địa tại hiện trường.

+ Công trình thi công kè sông Tiên khoảng từ Km108+790 đến Km109+150 phía bờ trái sông Tiên. Khu vực thi công có bố trí báo hiệu đảm bảo an toàn giao thông.

+ Công trình xây dựng kè Tịnh Thới bờ trái sông Tiên (từ km 158+000 đến km 159+400) thuộc xã Tịnh Thới, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp làm chủ đầu tư đang thi công, tại khu vực thi công có bố trí báo hiệu đảm bảo an toàn giao thông.

+ Công trình xây dựng Kè Hồ Cự nổi dài, bờ trái sông Tiên (từ Km161+350 đến Km163+550) thuộc phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đồng Tháp quản lý đang thi công, tại công trường thi công

có bố trí 02 cụm cột báo hiệu bờ và 04 phao giới hạn vùng nước (loại B4.2)

+ Công trình xây dựng kè An Lạc bờ trái sông Tiền (từ km 224+970 đến km 226+805) thuộc phường An Lạc, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang thi công xây dựng tại khu vực thi công có bố trí báo hiệu đảm bảo an toàn giao thông.

+ Khu vực khai thác cát đoạn từ Km131+400 đến Km132+200 bờ phải tuyến sông Tiền thuộc xã An Hiệp và xã An Nhơn, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp của Công ty Cổ Phần Đầu tư xây dựng và Kỹ thuật VNCN E&C cung cấp cho Dự án đường cao tốc Cao Lãnh - An Hữu (thành phần 1) theo Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội. Tại khu vực khai thác có lắp đặt 03 phao giới hạn vùng nước (loại B4.1).

+ Khu vực khai thác cát đoạn từ km 154+000 đến km 156+430 bờ phải sông Tiền thuộc xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh và xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn khai thác, đã lắp đặt 03 phao $\Phi 2.000$ (loại B4.1) phao báo hiệu lắp đặt đúng theo phương án được duyệt.

+ Khu vực khai thác cát từ Km226+900 đến Km228+185 bờ phải tuyến sông Tiền thuộc xã Long Khánh A, xã Thường Lạc, huyện Hồng Ngự và phường An Lạc, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang thi công khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường của Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Kỹ thuật VNCN& E&C cung cấp cho dự án ca tốc Cao Lãnh – An Hữu (thành phần 1) theo Nghị định số 106/203/QH ngày 28/11/2023 của Quốc Hội. Tại khu vực A có bố trí 02 phao giới hạn vùng nước, tại khu vực B có bố trí 02 phao giới hạn vùng nước.

+ Khu vực khai thác cát đoạn từ Km156+430 đến Km157+850 bờ phải sông Tiền thuộc xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do Công ty TNHH Xây dựng công trình & Thương mại Hoàng Anh khai thác, đã lắp đặt 03 phao $\Phi 2.000$ (loại B4.1).

+ Khu vực khai thác cát đoạn từ Km157+850 đến Km159+000 bờ phải sông Tiền thuộc xã Tân Mỹ, xã Tân Khánh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do Công ty cổ phần xây dựng Tân Nam khai thác, đã lắp đặt 03 phao $\Phi 2.000$ (loại B4.1).

+ Khu vực khai thác cát đoạn từ Km168+200 đến Km169+850 bờ trái sông Tiền thuộc xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh và xã Mỹ An Hưng A, xã Mỹ An Hưng B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và kỹ thuật VNCN E&C khai thác, đã lắp đặt 05 phao $\Phi 2.000$ (loại B4.2), phao báo hiệu đảm bảo kích thước, màu sắc, hình dáng theo quy định.

+ Khu vực khai thác cát đoạn từ Km172+800 đến Km174+100 tuyến Sông Tiền thuộc xã Bình Phước Xuân, huyện Chợ mới, tỉnh An Giang đơn vị khai thác Công ty TNHH Tập đoàn Định An đã lắp đặt 03 phao $\Phi 2.000$ (loại B4.1).

+ Khu vực khai thác cát đoạn từ km 174+650 đến km 175+900 bờ trái sông Tiền thuộc phường 11, thành phố Cao Lãnh và xã Tân Thuận Tây, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp do Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và kỹ thuật VN CN E&C khai thác đã lắp đặt 03 phao $\Phi 2.000$ (loại B4.1).

+ Khu vực khai thác cát đoạn từ Km187+450 đến Km189+150 bờ trái sông Tiền thuộc xã Tấn Mỹ, huyện Chợ mới, tỉnh An Giang đơn vị khai thác Công ty cổ phần tập đoàn Thành Huy, đã lắp đặt 03 phao $\Phi 2.000$ (loại B4.2), phao báo hiệu đảm bảo kích thước, màu sắc, hình dáng theo quy định.

+ Khu vực khai thác cát đoạn từ Km217+950 đến Km219+900 (bờ phải) tuyến Sông Tiền thuộc xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đơn vị khai thác Tổng công ty xây dựng số 1. Tại khu vực khai thác khu A có bố trí 03 phao giới hạn vùng nước, tại khu vực khu B có bố trí 02 phao giới hạn vùng nước.

+ Khu vực khai thác cát đoạn từ Km233+000 đến Km234+500 (bờ trái) tuyến Sông Tiền thuộc thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đơn vị khai thác Công ty Cổ phần Hải Đăng đang thi công, tại khu vực thi công có bố trí 02 phao báo hiệu giới hạn vùng nước phía bờ trái và 02 đầu khu vực thi công bờ phải có bố trí 02 bản thông tin dự án đúng theo phương án được duyệt.

+ Sạt lở bờ: phía bờ trái đoạn từ Km129+100 đến Km132+250 thuộc xã Tân Thanh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang; phía bờ trái đoạn từ Km148+000 đến Km149+650 thuộc xã Bình Hàng Tây, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; phía bờ trái đoạn từ Km150+000 đến Km151+500 thuộc xã Bình Hàng Trung, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; phía bờ trái đoạn từ Km155+850 đến Km157+070 thuộc xã Mỹ Xương, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; phía bờ phải đoạn từ Km184+500 đến Km188+250 thuộc xã Tấn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; phía bờ phải đoạn từ Km210+150 đến Km212+000 thuộc xã Tân Quới, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; phía bờ trái đoạn từ Km224+300 đến Km212+000 thuộc Phường An Lạc, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; phía bờ phải đoạn từ Km248+900 đến Km246+480 thuộc xã Thường phước 1, huyện Hồng ngự, tỉnh Đồng Tháp; phía bờ phải từ Km232+250 đến Km230+500 thuộc xã Long Khánh A, huyện Hồng ngự, tỉnh Đồng Tháp; phía bờ phải từ Km221+050 Đến Km219+000 thuộc xã Phú Thuận B, huyện Hồng ngự, tỉnh Đồng Tháp; phía bờ trái từ Km219+500 Đến Km216+720 thuộc xã Phú Thuận B, huyện Hồng ngự, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bãi cạn: từ Km166+337 đến Km166+827; Km168+680 đến Km169+220; Km170+474 đến Km173+081; Km231+945 đến Km233+490; Km248+352 đến Km247+165.

- **Nhánh cù lao Hổ Cừ:** Bãi cạn: từ Km07+740 đến Km08+000.

- **Nhánh cù lao Tây, cù lao Ma:**

+ Khu khai thác cát trên tuyến nhánh cù Lao Tây, Ma thuộc xã Phú An, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang của Tổng Công ty 36 – CTCP phục vụ dự án

thành phần Cần Thơ – Hậu Giang và Hậu Giang – Cà Mau thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía đông giai đoạn 2021 – 2025 theo cơ chế đặc thù được Quốc hội và Chính phủ cho phép. Tại khu vực thi công được chia thành 02 khu từ Km19+687 đến Km22+194 tại khu vực khai thác có bố trí 06 phao báo hiệu giới hạn vùng nước (loại B4.2).

+ Sạt lở: phía bờ trái từ Km26+000 đến Km24+000 thuộc xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; phía bờ phải từ Km22+190 đến Km16+070 thuộc xã Phú An, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang; phía bờ phải từ Km09+150 đến Km08+880 thuộc xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; phía bờ trái từ Km07+230 đến Km05+500 thuộc xã Tân Long, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; phía bờ phải từ Km02+200 đến Km03+750 thuộc xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; phía bờ trái từ Km01+190 đến Km02+850 thuộc xã Tân Long, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; phía bờ trái từ Km11+060 đến Km14+280 thuộc xã Tân Huê, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

+ Bãi cạn: Km00+970 đến Km01+998; Km03+770 đến Km04+347; Km25+632 đến Km26+127.

+ **Nhánh cù lao Long Khánh:** sạt lở phía bờ trái từ Km01+000 đến Km03+000 thuộc xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; phía bờ phải từ Km05+500 đến Km08+500 thuộc xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- **Rạch Trà Ôn:** Bờ kè thị trấn Trà Ôn tại Km3+630 thuộc thị trấn Trà Ôn, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long đang thi công và có lắp đặt hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa và 02 chốt điều tiết hướng dẫn giao thông.

- **Kênh Chệt Sậy:** Công trình kè An Hóa tại Km1+350 đến Km1+750 phía bờ phải kênh Chệt Sậy đang thi công và có lắp dựng báo hiệu bờ, thả 03 phao giới hạn vùng nước

- **Kênh 28:** Đang thi công xây dựng công trình kè xử lý các đoạn sạt lở cấp bách trên kênh 28, có trạm điều tiết hướng dẫn giao thông đường thủy nội địa.

- **Kênh Quản Lộ Phụng Hiệp:**

+ Trên tuyến có 03 cầu không đạt tĩnh không, khẩu độ: cầu Phụng Hiệp tại Km00+180 (tĩnh không 4m; khẩu độ 30m), cầu sắt Phước Long tại Km43+670 (tĩnh không 6m; khẩu độ 30m), cầu Chủ Chí (tĩnh không 6m; khẩu độ 30m)

+ Công trình nạo vét Kênh Quản Lộ Phụng Hiệp đang thi công tại Km13+760 đến Km56+840, có thực hiện phương án đảm bảo ATGT theo phương án được duyệt, đảm bảo an toàn giao thông.

- **Sông Hậu:**

+ Khai thác cát từ Km179+578 điểm đầu đến Km181+207 điểm cuối sông Hậu. Bờ phải thuộc xã Bình Thủy, huyện Châu Phú; bờ trái xã Tân Hòa và xã Tân Trung, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, tại khu vực khai thác có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu.

+ Khai thác cát từ Km181+207 điểm đầu đến Km182+794 điểm cuối sông

Hậu. Bờ phải thuộc xã Bình Thủy, huyện Châu Phú; bờ trái xã Bình Thạnh Đông và xã Tân Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, tại khu vực khai thác có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu (đang tạm dừng hoạt động khai thác).

+ Khai thác cát từ Km186+410 điểm đầu đến Km188+100 điểm cuối sông Hậu. Bờ phải thuộc thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, bờ trái xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, tại khu vực khai thác có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu.

+ Khai thác cát từ Km188+100 điểm đầu đến Km189+117 điểm cuối sông Hậu. Bờ phải thuộc xã Bình Thủy, huyện Châu Phú; bờ trái xã Bình Thạnh Đông và xã Tân Hòa, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, tại khu vực khai thác có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu.

+ Khai thác cát từ Km197+790 điểm đầu đến Km199+857 điểm cuối sông Hậu. Bờ phải thuộc xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, bờ trái xã Hòa Lạc huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, tại khu vực khai thác có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu.

+ Khai thác cát từ Km200+545 điểm đầu đến Km201+845 điểm cuối sông Hậu. Bờ phải thuộc xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú; bờ trái xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, tại khu vực khai thác có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu.

+ Khai thác cát từ Km199+857 điểm đầu đến Km200+444 sông Hậu. Bờ phải thuộc xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú; bờ trái xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, tại khu vực khai thác có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu.

- **Sông Vàm Nao:** Thi công nạo vét luồng từ Km0+500 đến Km5+500, tại khu vực thi công có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu dưới nước.

- **Kênh Ba Thê:**

+ Thi công cầu cao tốc Châu Đốc-Cần Thơ-Sóc Trăng Km43+730, tại khu vực thi công có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu.

+ Tại km 53+550 bờ phải, vật chướng ngại (cây ngã đổ) thuộc phạm vi hành lang bảo vệ luồng, cách bờ 10m tại vị trí: số 195, tổ 11, ấp Bình Thuận, xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; hiện tại ông Nguyễn Văn Âu – chủ vật chướng ngại vẫn duy trì đèn tín hiệu ban đêm, ban ngày lắp cờ hiệu màu đỏ.

- **Kênh Rạch Giá – Long Xuyên:**

+ Thi công cầu (tuyến cao tốc) Km41+050 bờ trái xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, tại khu vực thi công có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu và trạm điều tiết.

+ Thi công thay thế cầu Phú Vĩnh (cũ) tại Km54+120, tại khu vực thi công có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu.

+ Vật chướng ngại chân rọ đá bờ kè tỉnh uỷ từ Km63+635 đến Km63+800 bờ trái, cao trình -1,7m cách tim luồng 10m, có bố trí báo hiệu C2.4.

+ Khu vực từ Km40+470 đến Km41+350 có nhiều bển nổi, phương tiện tập kết, neo đậu. Phương tiện thủy khi đi qua khu vực trên cần chú ý, quan sát.

- Kênh Rạch Sỏi Hậu Giang:

+ Trên tuyến có 04 cầu có tĩnh không và khẩu độ không đạt cấp kỹ thuật đường thủy nội địa. Đó là cầu Rạch Sỏi Km1+070 (TK 5,4m; KĐ 22m), cầu Tân Hiệp Km26+660 (chưa xác định TK & KĐ_ đơn vị quản lý cầu: Sở GTVT tỉnh Kiên Giang), cầu kênh E Km34+550 (chưa xác định TK & KĐ_ đơn vị quản lý cầu: Sở GTVT thành phố Cần Thơ), cầu Cái Sắn Km58+615 (TK 5,9m; KĐ 26m).

+ Tại khu vực cầu Cái Sắn, Công ty Cổ phần quản lý bảo trì ĐTNĐ số 13 đang tiếp tục thực hiện công tác điều tiết không chế đảm bảo giao thông thủy. Các phương tiện lưu thông an toàn, thông suốt.

+ Công trình thi công khắc phục sạt lở QL80 khu vực từ Km57+200 đến Km57+335 phía bờ trái thuộc phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ đang thi công. Tại khu vực thi công có bố trí báo hiệu đường thủy nội địa và trạm điều tiết không chế an toàn giao thông đường thủy nội địa.

+ Khu vực từ Km39+250 đến Km53+850 có nhiều bển nổi, phương tiện tập kết, neo đậu. Phương tiện thủy khi đi qua khu vực trên cần chú ý, quan sát.

- Kênh Rạch Giá Hà Tiên: Cầu Mỹ Thái tại Km20+360 xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang ngưng thi công.

- Kênh Tám Ngàn: Cầu Cây Me đang triển khai thi công tại Km32+100 xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, tại công trình có bố trí hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa

- Kênh Tri Tôn Hậu Giang: thi công cầu Vịnh Tre Km45+195 xã Thạnh Mỹ Tây, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, công trình đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu.

- Kênh Bẫy Hạp Gành Hào: có 14 đáy cá, nằm trong hành lang bảo vệ luồng và nằm trong luồng tàu chạy khoảng 10m: Tại Km07+770, 06+750, 06+250, 05+300, 05+200, 04+700, 04+350, 04+200, 03+600, 02+900, 02+700, 02+320, 01+350, 01+000.

- Sông Bẫy Hạp: Cầu BTCT tại Km00+750 bờ trái nằm trong hành lang bảo vệ luồng khoảng 5m, Cọc BTCT tại km 00+650 bờ phải nằm trong hành lang bảo vệ luồng khoảng 3m. 44 đáy cá, nằm trong hành lang bảo vệ luồng và nằm trong luồng tàu chạy khoảng 15m: tại Km22+100, 21+600, 21+100, 21+000, 20+400, 20+300, 20+000, 19+500, 19+200, 19+000, 18+600, 17+435, 17+000, 18+600, 16+650, 16+400, 15+300, 14+600, 13+800, 12+900, 12+300, 11+800, 11+050, 09+600, 08+050, 06+380, 05+350, 04+550, 04+100, 02+100, 18+730, 18+200, 16+200, 16+000, 15+620, 14+300, 13+300, 12+600, 12+100, 11+400, 11+200, 10+500, 10+400, 08+800.

- Sông Trèm Trèm: Nò lú hai bên bờ từ Km00+000 đến Km07+000 thuộc xã Hồ Thị Kỷ và xã Khánh An.

- Sông Ông Đốc: có một số đáy cá đóng không có định, người dân đóng

đáy cá vào ban đêm, sáng thu hồi; do địa phương triển khai thực hiện giải tỏa đáy cá trên tuyến.

- **Kênh Hộ Phòng Gành Hào:** 16 hàng đáy cá cố định nằm trong luồng chạy tàu và hành lang bảo vệ luồng từ 30 đến 40m: tại Km17+450, 16+730, 15+445, 14+700, 13+520, 12+400, 11+050, 09+850, 08+225, 06+925, 05+830, 04+405, 03+495, 02+450, 01+755, 00+900.

- **Kênh Bạc Liêu Cà Mau:**

+ Hiện tại công trình điều tiết cầu Giá Rai (cũ) km 33 + 080 đang triển khai. Đơn vị điều tiết đã bố trí hệ thống báo hiệu hai phía thượng lưu, hạ lưu cầu và hai chốt điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa.

+ Thi công Kè chống ngập tuyến QL 1A Từ Km31+700 – 37+005; 39+590 – 42+980; 43+282 – 44+800; 44+800 – 46+100; 48+450 – 50+150 thuộc Thị trấn Hòa Bình, xã Vĩnh Mỹ B, huyện Hòa Bình; phường Láng Tròn, phường 1, T.X Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu.

+ Thi công Kè chống sạt lở bờ sông tuyến kênh Bạc Liêu Cà Mau từ Km28+950 đến Km31+700 thuộc phường Hộ Phòng, phường 1, T.X Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu.

- **Kênh Lương Thế Trân:** Tại Km08+552, đang triển khai thi công cầu bắc qua Kênh Lương Thế Trân, đã thi công cầu tạm tại công trình. Công trình đang điều tiết đảm bảo giao thông bằng báo hiệu đường thủy nội địa.

- **Sông Gành Hào:**

+ Thi công cầu Gành Hào tại Km11+900, tại khu vực thi công có tổ chức đảm bảo ATGT đường thủy nội địa bằng báo hiệu và trạm điều tiết.

+ Trên tuyến có 02 cầu không đạt tính không, khẩu độ theo quy định: cầu Hòa Trung tại Km47+350 (tính không 7m; khẩu độ 50m), cầu Gành Hào tại Km48+600 (tính không 7m; khẩu độ 60m).

+ Cầu cảng cũ tại Km13+300 nằm trong hành lang bảo vệ luồng khoảng 45m; 27 đáy cá tất cả đều nằm trong phạm vi luồng tàu chạy: tại Km10+750, 12+700, 13+780, 15+850, 17+400, 19+650, 20+750, 21+850, 22+960, 23+950, 22+555, 27+800, 29+000, 30+200, 31+500, 32+955, 34+400, 36+100, 37+050, 38+000, 38+880, 40+900, 42+430, 43+530, 44+450, 45+970, 46+850.

- **Kênh Tắt Vân:** Có 07 hàng đáy cá cố định nằm trong luồng chạy tàu và hành lang bảo vệ luồng từ 30 đến 40m: tại km 00+300, 02+000, 03+950, 04+800, 06+650, 07+800, 08+850.

- **Kênh Tắt Nam Cấn:** Có 05 đáy neo, nằm trong hành lang bảo vệ luồng và nằm trong luồng tàu chạy khoảng 5m: tại km 04+400, 03+950, 03+700, 03+350, 02+900.

- **Kênh Cái Nháp:** 08 đáy cá, nằm trong hành lang bảo vệ luồng và nằm trong luồng tàu chạy khoảng 45m: tại km 10+650, 09+950, 08+750, 06+100, 04+900, 02+900, 01+750, 08+320.

- **Sông Tắt Thủ:** thi công cầu Tắt Thủ tại Km03+250 bờ trái thuộc địa

phận huyện Thới Bình, bờ phải thuộc địa phận huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, tại công trường có bố trí trạm điều tiết.

- Kênh Bạc Liêu Vàm Léo:

+ Nạo vét luồng từ Km00+000 đến Km07+140, thuộc huyện Vĩnh Lợi và thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đang tạm dừng thi công.

+ Công trình thi công Kè 2 bên bờ sông TP Bạc Liêu từ Km01+390 – Km02+800 thuộc phường 1, phường 5 TP Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, hiện tại đang thi công phía bờ trái, đã bố trí báo hiệu phía thượng lưu và hạ lưu công trình.

+ Có 03 vị trí đáy cá nằm trong luồng tàu chạy, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa tại các vị trí: Huỳnh Văn Hổ, km15+300, bờ trái, thuộc xã Lai Hòa, Vĩnh Châu, Sóc Trăng; Huỳnh Thị Nương, km 16+400, bờ phải, thuộc xã Hưng Thành, Vĩnh Lợi, Bạc Liêu; Tạ Tôl Sua, km 17+700, bờ trái, thuộc xã Lai Hòa, Vĩnh Châu, Sóc Trăng

- Sông Vàm Cỏ Tây:

+ Công trình xây dựng cầu Mộc Hoá bắc qua sông Vàm Cỏ Tây tại Km128+724 thuộc xã Bình Hiệp và Phường 3, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An thuộc dự án nâng cao tính không các cầu đường bộ cắt qua tuyến đường thủy quốc gia giai đoạn 1 (khu vực phía Nam) đang triển khai thi công, tại công trường có triển khai điều tiết đảm bảo giao thông.

+ Công trình thi công Kè chống sạt lở thị xã Kiến Tường tại Km126+826 đến km 127+363 phía bờ phải Sông Vàm Cỏ Tây thuộc Phường 2, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An do Công ty TNHH xây dựng và khảo sát công trình Thanh Tuấn đang thi. Phương tiện thủy lưu thông qua khu vực này cần chú ý, quan sát.

- Kênh Lấp Vò Sa Đéc:

+ Công trình thi công tháo dỡ cầu Nàng Hai cũ, xây dựng cầu Nàng Hai mới tại km 32+590 thuộc dự án nâng cao tính không các cầu đường bộ cắt qua tuyến đường thủy nội địa quốc gia – giai đoạn 1 (khu vực phía Nam) do Ban quản lý dự án các công trình đường thủy làm chủ đầu tư, tại công trường đã hoàn thành thi công cầu tạm, đang thi công tháo dỡ cầu cũ. Phương tiện thủy lưu thông qua khu vực này cần chú ý, quan sát.

+ Công trình xây dựng kè Nguyễn Huệ tại Km35+000 đến Km35+410 bờ trái do Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất thành phố Sa Đéc làm Chủ đầu tư đang thi công. Công trình có lắp đặt báo hiệu.

+ Sạt lở: phía bờ phải đoạn từ Km01+250 đến Km01+290 thuộc xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; phía bờ phải đoạn từ Km17+150 Đến Km17+200 thuộc xã Vĩnh Thạnh, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; phía bờ trái đoạn từ Km35+000 Đến Km35+410 thuộc Phường 1, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp; phía bờ trái đoạn từ Km48+200 Đến Km48+380 thuộc thị trấn Cái Tàu Hạ, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp

- Kênh Tháp Mười Số 1:

+ Công trình xây dựng kè Tân Thạnh phía bờ phải khoảng từ Km74+800 đến Km76+300, bờ trái khoảng từ Km74+800 đến Km76+800 thuộc thị trấn Tân

Thanh và xã Kiến Bình, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An do Ban Quản lý dự án Nông nghiệp Long An làm chủ đầu tư đang thi công.

- **Kênh Tháp Mười số 2:** sạt lở phía bờ trái từ km 01+580 đến km 01+620, phía bờ phải từ km 01+570 đến km 01+650 thuộc xã Phong Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- **Kênh 4 Bis:**

+ Công trình cầu Mỹ Hoà kênh 4 Bis Km08+530 đang thi công phần trên bờ và dưới nước; có triển khai phương án đảm bảo ATGT đường thủy nội địa.

+ Công trình cầu Kênh Tứ Km14+900 kênh 4 Bis, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp đang tạm ngưng thi công. Có triển khai phương án đảm bảo ATGT đường thủy nội địa.

- **Kênh Tân Châu:** sạt lở phía bờ phải từ Km07+800 đến Km08+100; phía bờ phải từ Km09+100 đến Km09+600 thuộc xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; phía bờ trái từ Km05+600 đến Km06+100 thuộc xã Long An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; phía bờ trái từ Km00+500 đến Km00+900 thuộc xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

- **Kênh Hồng Ngự Vĩnh Hưng:**

+ Công trình xây dựng kè: Kè Hồng Ngự gói thầu XL01 tại thành phố Hồng Ngự, kè Giồng Găng gói thầu XL02 tại huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp và kè Tân Hưng gói thầu XL03 tại huyện Tân Hưng, tỉnh Long An; có triển khai phương án đảm bảo ATGT đường thủy nội địa.

+ Công trình xây dựng cầu: Cầu bắc qua kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng tại Km43+320 thuộc xã Vĩnh Thạnh, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An; trong quá trình thi công có triển khai phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa.

+ Công trình xây dựng cầu tạm (cầu Giồng Găng) trên tuyến kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng đang thi công, trong quá trình thi công có triển khai điều tiết đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa.

+ Công trình thi công tháo dỡ cầu Hồng Ngự cũ và xây dựng cầu mới (tại Km00+440) thuộc dự án thuộc dự án nâng cao tính không các cầu đường bộ cắt tuyến đường thủy quốc gia giai đoạn 1 (khu vực phía nam). Tại công trường thi công có triển khai phương án đảm bảo ATGT đường thủy nội địa.

Nơi nhận:

- Cục ĐTNĐ Việt Nam (b/c);
- Chi cục trưởng (b/c);
- Cảng vụ ĐTNĐ KV III, IV;
- Website Chi cục ĐTNĐ KV III;
- Lưu VT, QLHT (Long);

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Trần Quang Trung